

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - HÀ NỘI**
Bản án số: **216/2026/HSST**
Ngày: 25/03/2026

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Trần Thu Phương

- Ông Nguyễn Minh Tuấn

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Hà Hùng Cường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 71/HSST ngày 26/01/2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2026/QĐXXST-HS ngày 24/02/2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 25/2026/QĐST- HS ngày 6/3/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: LÊ TUẤN A, sinh ngày 27/5/2002. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn T, xã U, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đầu thú ngày 26/8/2025, tạm giữ ngày 27/8/2025. Hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 05/09/2025. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: BÙI VĂN T1, sinh ngày 17/4/1990. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 8/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn T2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1968; Vợ: Lê Thị Nha T4, sinh năm 1990; Con: 03 con sinh năm 2007, 2010, 2016. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 30/8/2025, tạm giữ ngày 30/8/2025; Hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 05/09/2025. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: CAO VĂN C, sinh ngày 05/9/1999. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn Q, xã N, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn Đ, sinh năm 1972 và bà Đào Hải Đ1, sinh năm 1973; Vợ: Nguyễn Thị Vân A1 và 01 con sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo đầu thú ngày 26/8/2025, tạm giữ ngày 27/8/2025. Hủy bỏ biện pháp tạm giữ ngày 05/09/2025. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: **NGUYỄN BÌNH D**, sinh ngày 26/6/2003. Giới tính: Nam; Nơi thường trú: Thôn B, xã B, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Viết H, sinh năm 1979 và bà Trần Thị Hồng T5 (đã chết). Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tự thú ngày 26/8/2025, tạm giữ ngày 27/8/2025; Hủy tạm giữ ngày 05/09/2025. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

(Có mặt tại phiên tòa)

***Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:**

1. **Anh Phạm Văn T6**, sinh ngày 31/3/1995;

Nơi thường trú: Thôn Đ, xã T, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ liên hệ: Số A T, phường C, TP Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. **Anh Đào Duy L**, sinh ngày 06/8/2003.

Nơi thường trú: Thôn C, xã X, tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ liên hệ: Số I ngõ B T, phường N, TP Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thông qua mạng xã hội Facebook, Nguyễn Bình D biết đến giải bi-a tại địa chỉ số A đường T, phường C, TP Hà Nội vào ngày 25/8/2025, D tham gia chơi thua nên bị loại. D biết Lê Tuấn A, Cao Văn C và Bùi Văn T1 tham gia chơi giải cùng với D.

Sau khi kết thúc giải, T1, Tuấn A và C bàn bạc với nhau rủ D đánh bi-a sát phạt được thua bằng tiền, T1 và Tuấn A sẽ là người trực tiếp đánh bi-a với D còn C sẽ là người làm tín dụng cầm cố tài sản khi D hết tiền. Khoảng 00h45' ngày 26/8/2025, T1 rủ D đánh bi-a được thua bằng tiền tại quán B số A T, phường C, Hà Nội. D đồng ý. Lúc này trong quán có anh Đào Duy L (SN 2002, HKTT: C, xã X, tỉnh Lào Cai), là nhân viên là thêm tại quán B. Các đối tượng quy ước, sử dụng 9 viên bi đánh số từ 1 đến 9, đánh lần lượt theo thứ tự từng bi vào lỗ trên bàn; điểm số chỉ tính cho bi số 3 tương ứng 3 điểm, bi số 6 tương ứng 4 điểm, bi số 9 tương ứng 5 điểm; mỗi điểm tương ứng với số tiền 100.000 đồng. Sau mỗi ván chơi các đối tượng tính điểm thắng thua từng người và ghi vào tờ giấy. T1 và D chơi 8 ván và T1 thắng D số tiền 500.000 đồng, D chuyển khoản cho T1 số tiền 500.000 đồng đến tài khoản số 0333106869, ngân hàng TMCP Q, mang tên Bùi Văn T1. Sau đó, Tuấn A vào tham gia chơi cùng D và T1, Tuấn A nói với D nếu thua D chỉ trả tiền cho T1, không phải trả tiền cho Tuấn A và cách thức chơi như lúc trước. C ngồi ngoài xem chờ cơ hội để làm tín dụng. Các đối tượng thống nhất mỗi lần chơi là 50 điểm (tương ứng số tiền 5.000.000đ). Đến khoảng 02h30' cùng ngày, D bị thua T1 hơn 50 điểm (tương ứng với hơn 5.000.000 đồng), T1 có đòi D tiền, D không có tiền nên T1 yêu cầu D để lại tài sản tương ứng số tiền này. Lúc này C hỏi D có tài sản gì thì được D cho biết có chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision, màu đen, BKS: 34AS – 201.34

và chiếc điện thoại Iphone 14 Promax, màu trắng. Sau khi xem giấy tờ chiếc xe máy C định giá chiếc xe máy cầm cố trị giá 10.000.000 đồng, D đồng ý cầm cố xe máy cho C nhưng lại viết Giấy với nội dung là bán xe. Lúc này, T1 đòi D tiền thì được C nói mỗi người đóng cho C số tiền 5.000.000 đồng cầm trước, sau khi kết thúc ai thắng sẽ đưa cho người đó. C nói với D và T1 số tiền cầm xe máy 10.000.000 đồng sẽ có 5.000.000 đồng của T1 vừa thắng (tương ứng với 50 điểm) còn 5.000.000 đồng C sẽ giữ của D để đảm bảo cho các ván đánh bạc tiếp theo và chỉ còn Tuấn A phải chuyển cho C 5.000.000 đồng nhưng thực tế Tuấn A không chuyển. C nói đã nhận đủ tiền thì cả ba tiếp tục đánh bạc. Đến khoảng 03h30' cùng ngày thì D tiếp tục thua T1 với khoảng cách hơn 50 điểm (tương ứng với số tiền 5.000.000 đồng) và T1 đòi tiền thắng thì C chuyển đến tài khoản số 1568591999 ngân hàng V, mang tên Bùi Văn T1 số tiền 9.000.000 đồng (do trên nhóm C, T1 và Tuấn A thống nhất giá trị chiếc xe máy của D chỉ 9.000.000 đồng nhưng báo với D 10.000.000 đồng để D đồng ý chơi tiếp).

Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, D muốn chơi tiếp nên T1 nói với D còn tài sản gì thì cầm cố để đánh bạc tiếp. D đưa ra chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Promax, màu trắng cho C xác định giá trị cầm cố là 5.000.000 đồng, được D đồng ý và đưa điện thoại cho C cùng mật khẩu. Số tiền này C tiếp tục cầm để đảm bảo cho các ván chơi tiếp. Sau đó các đối tượng tiếp tục đánh bạc đến khoảng 06 giờ cùng ngày thì D thua T1 khoảng cách hơn 50 điểm (tương ứng hơn với 5.000.000 đồng) thì cả 03 dừng đánh bạc, C chuyển khoản cho T1 số tiền 3.000.000 đồng (do trên nhóm cả 03 thống nhất giá trị chiếc điện thoại của D chỉ là 3.000.000 đồng nhưng báo với D 5.000.000 đồng để D đồng ý chơi tiếp). Khi kết thúc T1 đi ra trả tiền bàn, lúc ra về C đưa cho T1 chìa khóa xe máy của D, T1 giao xe máy của D cho Tuấn A để sử dụng, còn C cầm điện thoại của D. Cùng ngày, Bùi Văn T1 đã chuyển cho Lê Tuấn A số tiền 4.000.000 đồng và chuyển cho Cao Văn C số tiền 1.500.000 đồng, đây là số tiền được xác định do Bùi Văn T1 thắng cược bi-a của Nguyễn Bình D. Lê Tuấn A và Cao Văn C đã nhận số tiền trên và tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 26/8/2025, Nguyễn Bình D, Lê Tuấn A và Cao Văn C xin đầu thú về hành vi vi phạm của mình. Ngày 30/8/2025, Bùi Văn T1 đến Cơ quan Công an đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra, Nguyễn Bình D, Lê Tuấn A, Cao Văn C, Bùi Văn T1 khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 15.500.000đ. Việc D cầm cố xe và viết giấy bán xe do D và C thỏa thuận với nhau, hoàn toàn tự nguyện. (BL79-243).

Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lê Tuấn A: 01 điện thoại Iphone 15 promax, màu đen, lắp sim 0975929021 và 01 chiếc xe máy Honda Vision màu đen, số khung: JK03E1401359, số máy RLHJK0389RY001291. (BL60)

Thu giữ của anh Đào Duy L: 03 bộ gậy đánh bi-a (đã qua sử dụng), 02 tờ giấy ghi điểm số, 02 tờ hóa đơn thanh toán. (BL61)

Thu giữ của Cao Văn C: 01 chiếc điện thoại Iphone 14 promax màu trắng. (BL62)

Thu giữ của anh Phạm Văn T6 – là chủ quán B: 10 quả bóng bi-a đã qua sử dụng, 01 giấy chấp thuận kết quả nghiệm thu về PCCC và 01 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Doanh nghiệp TNHH MTV. (BL63)

Thu giữ của Bùi Văn T1: 01 điện thoại Iphone 14 Promax, màu trắng bạc, lắp sim 0563203456 và 01 giấy mua bán xe. (BL64)

Cơ quan điều tra đã trích xuất camera tại quán B, ghi nhận hình ảnh các đối tượng Tuấn A, D, C và T1 chơi bi-a tại quán như lời khai của các đối tượng và người làm chứng. Cơ quan Điều tra đã lập biên bản thu giữ hình ảnh. (BL334-339)

Đối với anh Đào Duy L quá trình điều tra xác định anh L là nhân viên làm thêm tại quán B phường C, thành phố Hà Nội. Việc Nguyễn Bình D, Lê Tuấn A, Bùi Văn T1 và Cao Văn C bàn bạc, rủ nhau chơi đánh bạc qua hình thức chơi bi-a được thua bằng tiền anh L không biết. Khi các đối tượng chơi xong, anh L mới nghe kể trong quá trình chơi, D thua thì đã phải cầm xe máy để tiếp tục chơi. Còn việc nhóm D chơi mức như thế nào, thắng thua bao nhiêu tiền anh L không biết. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý. (BL 322-324)

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác minh các số tài khoản của Lê Tuấn A, Bùi Văn T1, Cao Văn C có các giao dịch chuyển khoản từ các số tài khoản 09759290210 mở tại Ngân hàng T9 mang tên Lê Tuấn A, số tài khoản 0333106869 mở tại Ngân hàng M mang tên Bùi Văn T1, số tài khoản 7400260603 mở tại Ngân hàng T10 mang tên Nguyễn Bình D phù hợp với lời khai của các đối tượng khi trả tiền thắng thua bi-a. (BL 126-136)

Đối với chiếc xe máy H1 BKS 30AS-201.34, quá trình điều tra xác định đăng ký xe mang tên Nguyễn Bình D. Xác minh xe không nằm trong dữ liệu xe vật chứng. Kết luận giám định số 7602 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an TP. Hà Nội kết luận số khung số máy của xe là nguyên thủy. (BL 391-394)

Bản cáo trạng số **249/CT-VKSKV4** ngày 05/01/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội truy tố các bị cáo Lê Tuấn A, Bùi Văn T1, Cao Văn C và Nguyễn Bình D về tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai tại cơ quan điều tra và đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 321, các tình tiết giảm nhẹ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i, s khoản 1 và tình tiết “người phạm tội đầu thủ” theo khoản 2 Điều 51; phạm tội nhiều lần theo điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt:

Bị cáo Bùi Văn T1 mức án từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 20 đến 24 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị cáo Nguyễn Bình D mức án từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 20 đến 24 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị cáo Lê Tuấn A mức án từ 10 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 20 đến 24 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị cáo Cao Văn C mức án từ 08 đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách từ 16 đến 20 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho anh Đào Duy L: 03 bộ gậy đánh bi-a (đã qua sử dụng) và trả lại cho anh Phạm Văn T6 10 quả bóng bi-a đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công: 01 chiếc điện thoại Iphone 14 promax màu trắng thu giữ của Cao Văn C; 01 điện thoại Iphone 14 Promax, màu trắng bạc thu giữ của Bùi Văn T1; 01 điện thoại Iphone 15 promax, màu đen và 01 chiếc xe máy Honda Vision màu đen, số khung: JK03E1401359, số máy RLHJK0389RY001291 thu giữ của Lê Tuấn A.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại thu giữ của Bùi Văn T1 và 01 sim điện thoại thu giữ của Lê Tuấn A.

Buộc bị cáo Bùi Văn T1 truy nộp lại số tiền 5.500.000 đồng; bị cáo Cao Văn C truy nộp lại số tiền 1.500.000 đồng; bị cáo Lê Tuấn A truy nộp lại số tiền 4.000.000 đồng là tiền thu lời bất chính để sung công.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều ăn năn hối cải về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Hành vi phạm tội và tội danh

Lời khai nhận về hành vi phạm tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Hà Nội đã truy tố, phù hợp vật chứng đã thu giữ được và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng 0h45' đến 04h ngày 26/8/2025 tại quán B phường C, thành phố Hà Nội, Lê Tuấn A, Cao Văn C, Bùi Văn T1 và Nguyễn Bình D có hành vi đánh bạc dưới hình thức chơi bi-a được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 15.500.000đ.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Lê Tuấn A, Cao Văn C, Bùi Văn T1 và Nguyễn Bình D đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo:

Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn minh của xã hội ở cộng đồng dân cư và dễ làm phát sinh những tiêu cực khác nên cần xử phạt mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Đây là vụ án có đồng phạm nhưng chỉ là đồng phạm giản đơn, nên khi lượng hình cần xem xét đến vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, để quyết định hình phạt phù hợp.

Về vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy: Đối với các bị cáo T1, Tuấn A, D có vai trò như nhau là người trực tiếp thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi “bi-a” được thua bằng tiền với tổng số tiền các bị cáo đánh bạc là 15.500.000 đồng. Đối với Cao Văn C tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng

trước đó C có bàn bạc với Tuấn A và T1 đánh bi a ăn tiền với với D. Ngoài ra C còn nhận cầm cố chiếc xe máy và điện thoại của D để D lấy tiền tham gia đánh bạc. Sau khi T1 thắng cược T1 đã chuyển cho C 1.500.000 đồng, C đã nhận số tiền trên, do đó hành vi của C là giúp sức đồng phạm với Tuấn A, T1 và D về tội Đánh bạc.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: các bị cáo đều phải chịu tình tiết tăng nặng: “Phạm tội 2 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội tối ngày 26/8/2025 bị cáo Nguyễn Bình D, Lê Tuấn A, Cao Văn C đã ra công an phường C tự thú; Ngày 30/8/2025 bị cáo Bùi Văn T1 đã đến cơ quan công an phường C đầu thú về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu bị đưa ra xét xử, mặc dù các bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng các lần đều là phạm tội ít nghiêm trọng, số tiền đánh bạc không lớn nên cần áp dụng cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội. Xét thấy không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho hưởng án treo như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp đối với các bị cáo và cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục, tạo điều kiện cho các bị cáo tự sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng và tính nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Đối với loại tội này ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung bằng tiền. Xét các bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[3] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Về dân sự: không.

[5] Về xử lý vật chứng:

Tịch thu sung công: 01 chiếc điện thoại Iphone 14 promax màu trắng thu giữ của Cao Văn C; 01 điện thoại Iphone 14 Promax, màu trắng bạc thu giữ của Bùi Văn T1; 01 điện thoại Iphone 15 promax, màu đen và 01 chiếc xe máy Honda Vision màu đen, số khung: JK03E1401359, số máy RLHJK0389RY001291 thu giữ của Lê Tuấn A.

Tịch thu tiêu hủy: 01 sim điện thoại thu giữ của Bùi Văn T1 và 01 sim điện thoại thu giữ của Lê Tuấn A.

Trả lại cho anh Đào Duy L: 03 bộ gậy đánh bi-a (đã qua sử dụng) và trả lại cho anh Phạm Văn T6 10 quả bóng bi-a đã qua sử dụng.

Buộc bị cáo Bùi Văn T1 truy nộp lại số tiền 5.500.000 đồng; bị cáo Cao Văn C truy nộp lại số tiền 1.500.000 đồng; bị cáo Lê Tuấn A truy nộp lại số tiền 4.000.000 đồng là tiền thu lời bất chính để sung công.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Tuấn A, Bùi Văn T1, Cao Văn C và Nguyễn Bình D phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng:

-Khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, các Điều 65, 17, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Điều 46, 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Xử phạt bị cáo Lê Tuấn A **12 (Mười hai) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 24 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T1 **12 (Mười hai) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 24 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Bình D **12 (Mười hai) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 24 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Xử phạt bị cáo Cao Văn C **10 (Mười) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, hạn thử thách 20 tháng kể từ ngày Tòa tuyên án.

Giao bị cáo Lê Tuấn A về Ủy ban nhân dân xã Ú, thành phố Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Bùi Văn T1 về Ủy ban nhân dân phường Đ, TP Hà Nội quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Bình D về Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Hải Phòng quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Giao bị cáo Cao Văn C về Ủy ban nhân dân xã N, tỉnh Hưng Yên quản lý giáo dục trong thời gian thử thách của bản án.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.Về trách nhiệm dân sự: không giải quyết.

3. Về vật chứng:

Trả lại cho anh Đào Duy L: 03 bộ gậy đánh bi-a (đã qua sử dụng); Trả lại cho anh Phạm Văn T6 10 quả bóng bi-a đã qua sử dụng.

Tịch thu sung công: 01 chiếc điện thoại Iphone 14 promax màu trắng thu giữ của Cao Văn C; 01 điện thoại Iphone 14 Promax, màu trắng bạc, lắp sim 0563203456

thu giữ của Bùi Văn T1; 01 điện thoại Iphone 15 promax, màu đen, lắp sim 0975929021 và 01 chiếc xe máy Honda Vision màu đen, số khung: JK03E1401359, số máy RLHJK0389RY001291 thu giữ của Lê Tuấn A sử dụng vào việc phạm tội.

Số vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Phòng thi hành án Dân sự Khu vực 4 - Hà Nội theo biên bản giao nhận vật chứng số 240 ngày 05/2/2026.

Buộc bị cáo Bùi Văn T1 truy nộp lại số tiền 5.500.000 (Năm triệu, năm trăm nghìn) đồng; bị cáo Cao Văn C truy nộp lại số tiền 1.500.000 (Một triệu, năm trăm nghìn) đồng; bị cáo Lê Tuấn A truy nộp lại số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng là tiền thu lời bất chính để sung công.

4. Về án phí: Các bị cáo Lê Tuấn A, Bùi Văn T1, Cao Văn C và Nguyễn Bình D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan;
- VKSND Khu vực 4 – Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội;
- Lưu hồ sơ, văn phòng TAND khu vực 4 – Hà Nội.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Lê Thị Thảo